TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 166/2025/DS-PT
Ngày: 21-8-2025
V/v: *"Tranh chấp quyền sử dụng đất, đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồng Thái

Ông Nguyễn Thành Tâm

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Ngọc Huyền – Thư ký, Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 107/2025/TLPT-DS ngày 25/6/2025 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất, đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2025/DS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 – Lâm Đồng) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 279/2025/QĐ-PT ngày 22 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 204/2025/QĐ-PT ngày 11 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Võ Thành H, sinh năm: 1965, bà Đinh Thị P, sinh năm: 1965; cư trú tại số A, tổ dân phố L, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (nay là số A, tổ dân phố L, xã D, tỉnh Lâm Đồng).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: Luật sư Dương Văn V – Văn phòng Luật sư Dương Văn V thuộc Đoàn Luật sư tỉnh L.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn P1, sinh năm: 1966, bà Từ Thị S, sinh năm: 1968; cư trú tại tổ dân phố L, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (nay là tổ dân phố L, xã D, tỉnh Lâm Đồng).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Hà Thị Kim C (sư cô Huệ C1) - Chụ trì chùa G; địa chỉ: tổ dân phố C, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (nay là tổ dân phố C, xã D, tỉnh Lâm Đồng).

+ Ông Trương Hữu T, sinh năm: 1974 (Thích Ứng C2) - Chụ trì chùa P4; địa chỉ: tổ dân phố C, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (nay là tổ dân phố C, xã D, tỉnh Lâm Đồng).

- *Người làm chứng:*

+ Ông Phạm S1; cư trú tại tổ dân phố L, xã D, tỉnh Lâm Đồng.

+ Ông Trịnh L, cư trú tại tổ dân phố C, xã D, tỉnh Lâm Đồng.

+ Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm: 1963; cư trú tại tổ dân phố L, xã D, tỉnh Lâm Đồng.

+ Bà Đỗ Thị Thu H2, sinh năm: 1967; cư trú tại tổ dân phố L, xã D, tỉnh Lâm Đồng.

+ Ông Võ Văn Đ; cư trú tại khu phố C, xã D, tỉnh Lâm Đồng.

+ Ông Bùi Ngọc T1; cư trú tại khu phố L, xã D, tỉnh Lâm Đồng.

Người kháng cáo: Ông Võ Thành H, bà Đinh Thị P – Nguyên đơn.

(Ông H, bà P, luật sư V, bà S, ông H1, bà H2 có mặt tại phiên tòa; các đương sự còn lại và người làm chứng vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp đến Tòa án ngày 09/4/2024, bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn vợ chồng ông Võ Thành H, bà Đinh Thị P trình bày: Vào năm 1993 vợ chồng nguyên đơn có khai hoang diện tích đất ước khoảng 03 sào tại khu vực đồi, tổ dân phố 3 phần giáp với hố rác, nguyên đơn sử dụng trồng cây hoa màu ngắn ngày, sau đó trồng cà phê. Đến năm 1998, nguyên đơn viết giấy cúng dường thửa đất khai hoang nêu trên cho chùa P4. Sau khi được nguyên đơn cúng dường thửa đất trên cho chùa P4 và chùa P4 cũng như phật tử nhà chùa là người trực tiếp canh tác để trồng hoa màu ngắn ngày, cà phê, trà. Sau đó đến năm 2007, thầy Chơn H3 có viết giấy xin phép ban đại diện Phật giáo huyện Đ cho phép thầy Chơn H3 cho chùa G khi đó sư cô Huệ C1 làm trụ trì mượn thửa đất trên để chùa G canh tác trồng hoa màu nuôi chú tiểu. Trong thời gian nhận đất canh tác sử dụng từ năm 2007 của chùa G thì vợ chồng ông P1 bà S cứ lấn chiếm và phá hoại hoa màu của nhà chùa, do đó sư cô Huệ C1 không canh tác đất mà trả lại cho chùa P4. Sau khi thầy Chơn Hướng chết vào năm 2008 thì vợ chồng ông P1, bà S đã ngang nhiên lấn chiếm sử dụng toàn bộ thửa đất trên. Sau khi thầy Chơn Hướng chết, thầy Trương Hữu T (pháp danh Thích Ứng C2) về trụ trì chùa P4 và ngày 10/7/2015 thầy Trương Hữu T đã

viết giấy trả lại đất cho vợ chồng nguyên đơn vì lý do vợ chồng ông P1, bà S đã lấn chiếm sử dụng, nhà chùa không đủ sức để làm.

Diện tích đất nguyên đơn cho rằng đã khai hoang từ năm 1993 hiện nay thuộc vị trí các thửa đất qua kết quả đo đạc do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ cung cấp kết quả ngày 31/7/2024 có tổng diện tích là 2.007m^2 thuộc một phần các thửa 91, 58, 59, 53 tờ bản đồ số 14 thị trấn D. Trong đó có 24m^2 thuộc 1/58 đã đo đạc và cấp QSD đất cho bà Hà Thị Kim C (sư cô Huệ C1). Diện tích còn lại 1.983m^2 thuộc một phần các thửa 91, 58, 59, 53 tờ bản đồ số 14 thị trấn D. Đối với phần diện tích đất 24m^2 thuộc 1/58 đã đo đạc và cấp QSD đất cho bà Hà Thị Kim C, nguyên đơn không tranh chấp. Diện tích còn lại 1.983m^2 thuộc một phần các thửa 91, 58, 59, 53 tờ bản đồ số 14 thị trấn D, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại.

Diện tích đất, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại, hiện nay bị đơn đã làm nhà tạm bằng gỗ, chuồng heo, trồng cây: cà phê, bơ, xoài, vú sữa, hồng đã được Hội đồng định giá tài sản xác định giá trị, nguyên đơn đồng ý với kết quả định giá và đồng ý thanh toán lại toàn bộ giá trị cây trồng cũng như tài sản trên đất cho vợ chồng bị đơn.

Bị đơn vợ chồng ông Trần Văn P1, bà Từ Thị S trình bày: Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Thửa đất vợ chồng nguyên đơn đang tranh chấp yêu cầu bị đơn trả là của bị đơn. Nguồn gốc đất do vợ chồng bị đơn mua lại của ông Nghĩa T2 năm 1988 (hiện ông Nghĩa T2 đã chết) với giá 01 chỉ vàng. Ông T2 chỉ ranh thửa đất chuyển nhượng từ dưới sườn đồi lên đến giáp đường quốc lộ. Từ năm 1988 đến nay, vợ chồng bị đơn sử dụng để trồng cây cà phê, bơ, hồng. Nay lô đất tính từ đuôi đất của sư cô Huệ C1 kéo dài ra đến quốc lộ. Giới cận lô đất: phía Đông giáp đất của bà T3, phía Tây, phía Bắc giáp đất của sư cô Huệ C1; phía Nam giáp đường quốc lộ. Khi nhận chuyển nhượng thửa đất của ông T2, đất chủ yếu là rừng thông, cây cỏ tạp, chỉ có khoảnh nhỏ đất đã khai hoang, vợ chồng bị đơn nhận đất từ năm 1988, vừa sử dụng, vừa khai hoang phục hóa dần thửa đất từ dưới sườn đồi lên cho đến giáp đường quốc lộ thành thửa đất như hiện nay. Toàn bộ thửa đất vợ chồng nguyên đơn cho rằng là của nguyên đơn, bị đơn đã trồng cà phê, hồng, bơ và làm căn nhà tiền chế nhỏ để ở. Trong thời gian vợ chồng bị đơn canh tác sử dụng thửa đất không có ai đến tranh chấp đòi đất. Bị đơn không đồng ý trả lại đất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trương Hữu T (Thích Ứng C2, trụ trì chùa P4) trình bày tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai ngày 12/9/2024: Về nguồn gốc diện tích đất hiện nay vợ chồng ông H, bà P có tranh chấp với vợ chồng ông P1, bà S thì ông T được biết thửa đất này do vợ chồng ông H, bà P khai hoang và năm 1998 có viết giấy cúng dường diện tích đất khoảng 3.000m^2 này cho chùa P4. Thời điểm này trụ trì chùa P4 là thầy Thích Chơn H3 (tên ngoài đời

là Võ Văn P2), năm 2008, thầy Thích Chơn H3 chết, ông T được giáo hội phật giáo tỉnh L bổ nhiệm về làm trụ trì chùa P4 từ năm 2008 thay cho thầy Thích Chơn H3. Khi ông T về tiếp quản chùa, đã thấy nhà nước có trưng dụng khoảng 2.000m^2 đất của nhà chùa làm hố rác, phần đất này trước đây là của ông Phạm Văn T4 sang nhượng lại cho thầy Thích Chơn H3, phần đất từ giáp hố rác kéo về phía Tây giáp với đất của chùa G do vợ chồng ông P1, bà S lấn chiếm sử dụng trồng cà phê. Trước đó nhà chùa có sử dụng phần đất do vợ chồng ông H, bà P cúng dường hay không thì ông T không biết.

Do không có nhu cầu sử dụng canh tác phần đất mà trước đó vợ chồng ông H, bà P đã cúng dường cho nhà chùa nên ngày 10/7/2015, ông T đã viết giấy trả lại phần đất do vợ chồng ông H bà P cúng dường cho nhà chùa. Đồng thời, trả lại giấy cúng dường đất cho vợ chồng ông H, bà P cùng một số giấy tờ liên quan đến diện tích đất cúng dường như: Giấy trả đất, Giấy cúng dường đất; đơn kính trình do thầy Võ Văn P2 (C) viết vào ngày 08/8/2007 (Bản phô tô); đơn xin phép do thầy Thích Chơn H3 viết vào rằm tháng tư, phật lịch 2551 Đinh Hợi, nhằm ngày 31/5/2007 có xác nhận của Hòa Thượng Chánh diện phật giáo huyện Đ là thầy Thích Pháp C3 (bản phôtô). Đối với yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông H, bà P yêu cầu vợ chồng ông P1 bà S trả lại phần đất lấn chiếm nay được xác định là phần đất tại các thửa 1/58, 1/59, 1/91, ông T không có yêu cầu, ý kiến tranh chấp gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị Kim C (sư cô Huệ C1, trụ trì chùa G) trình bày tại biên bản xác minh ngày 19/11/2024: Toàn bộ khu đất hiện nay chùa G quản lý, cũng như khu đất hiện vợ chồng ông P1, bà S đang quản lý canh tác trồng cà phê do mẹ S2 cô là bà Châu Thị Đ1 khai hoang. Đến khoảng năm 1980 mẹ Sư C4 có bán cho ông Nghĩa T2 (tên thường gọi là ông Ba P3) một phần khu đất, ông Ba P3 canh tác một thời gian sau đó bán lại cho ông Ba Đinh . Ông Ba Đinh M dùm cho vợ chồng ông P1, bà S từ Bình Định vào làm ăn sinh sống từ khoảng năm 1987. Quá trình vợ chồng ông P1, bà S quản lý canh tác khu đất mua lại của ông Nghĩa T2, bà thấy vợ chồng ông P1 bà S canh tác từ dưới sườn đồi, khai thác lấn dần lên đến giáp đường quốc lộ như hiện nay. Quá trình canh tác sử dụng đất của vợ chồng ông P1, bà S ổn định, không phát sinh tranh chấp với ai khác. Bà xác định, từ trước cho đến nay chùa G không canh tác trên đất hiện đang có tranh chấp giữa ông H với ông P1, bà S. Năm 2007, việc sử dụng đất của vợ chồng ông P1, bà S có phát sinh tranh chấp với chùa P4 (khi đó thầy Chơn Hướng trụ trì), chùa P4 cày xới đất của vợ chồng ông P1 và trồng cà phê, nhưng sau đó cà phê bị ai đó nhổ bỏ và thầy Chơn H3 có bảo bà canh tác nhưng bà không canh tác vì bà biết đất không phải của nhà chùa và vợ chồng ông P1, bà S tiếp tục canh tác sử dụng khu đất cho đến nay. Hiện nay, phần diện tích đất vợ chồng ông P1, bà S đang canh tác có 24m^2 thuộc thửa 1/58 đã được cấp giấy

CNQSD đất cho chùa G, bà không có ý kiến tranh chấp gì trong vụ án và xin phép không đến Tòa.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2025/DS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 – Lâm Đồng) đã xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Võ Thành H, bà Đinh Thị P về việc yêu cầu bị đơn vợ chồng ông Trần Văn P1, bà Từ Thị S trả lại diện tích đất 1.983m^2 thuộc một phần các thửa 91, 58, 59, 53 tờ bản đồ số 14 thị trấn D.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 26/5/2025, nguyên đơn ông Võ Thành H, bà Đinh Thị P kháng cáo, đề nghị xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn ông H, bà P vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư V đề nghị Hội động xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn diện tích 1.983m^2 thuộc một phần các thửa 91, 58, 59, 53 tờ bản đồ số 14 thị trấn D.

Bị đơn bà S không đồng ý với kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị giải quyết như án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp giữa các bên đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định theo đúng quy định của pháp luật; đơn kháng cáo của ông Võ Thành H, bà Đinh Thị P; người kháng cáo, thủ tục kháng cáo được thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện để Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của ông Võ Thành H, bà Đinh Thị P thì thấy rằng:

Về nguồn gốc diện tích đất tranh chấp: Theo nguyên đơn trình bày nguyên đơn khai hoang từ năm 1993 - 1995, năm 1998 cúng dường cho chùa P4. Chùa

P4 tiếp quản và năm 2007 cho chùa G (do Sư Cô H trụ trì) mượn đất canh tác trồng hoa màu nuôi chú tiểu. Năm 2008, trụ trì chùa P4 là thầy Thích Chơn H3 chết thì bị đơn đã lấn chiếm sử dụng cho đến nay. Ngày 10/7/2015 thầy Trương Hữu T (trụ trì chùa P4) đã viết giấy trả lại đất cho nguyên đơn. Năm 2023, căn cứ vào "Giấy cúng dường" do nguyên đơn viết vào ngày 10/10/1998, "Giấy trả đất" nguyên đơn phát sinh tranh chấp đòi lại đất với bị đơn.

Bị đơn lại cho rằng, phần diện tích đất tranh chấp do bị đơn nhận chuyển nhượng của ông Nghĩa T2 năm 1988, khi nhận chuyển nhượng chỉ có vài khoảnh đất trống dưới sườn đồi, còn lại là cây thông xen kẽ cỏ tạp. Sau khi nhận chuyển nhượng gia đình bị đơn đã canh tác từ dưới sườn đồi, vừa canh tác vừa khai hoang phục hóa lấn dần lên đến giáp đường quốc lộ để hình thành được thửa đất như hiện nay. Trong quá trình canh tác, bị đơn sử dụng ổn định không tranh chấp với ai. Do điều kiện kinh tế khó khăn, bị đơn chưa làm thủ tục xin xét cấp quyền sử dụng đất.

Về thời gian sử dụng đất: Theo nguyên đơn trình bày, do nguyên đơn khai hoang khu đất từ năm 1993 – 1995, sử dụng đến năm 1998 thì viết giấy cúng dường cho chùa P4. Như vậy từ sau khi cúng dường thửa đất cho chùa P4, nguyên đơn đã từ bỏ quyền sử dụng đất của mình. Việc nguyên đơn đưa ra các nhân chứng xác nhận có đi làm công quả cho chùa P4 và canh tác tại khu đất nguyên đơn cúng dường cho chùa, thì cũng chỉ là xác nhận mang tính chất cá nhân, không có giá trị pháp lý. Như vậy, nếu chùa P4 tiếp quản khu đất và canh tác từ năm 1998 đến năm 2007 cho chùa G1, nhưng chùa P4 lại không có biện pháp bảo vệ đất, cũng như không thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất là đăng ký kê khai cấp quyền sử dụng đất.

Theo xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản cho thấy toàn bộ diện tích đất tranh chấp hiện do bị đơn sử dụng, trồng cây lâu năm là 2.000 cây cà phê đang trong giai đoạn thu hoạch, 09 cây bơ thường (20 năm); 10 cây bơ ghép (10 năm); 02 cây vú sữa (10 năm); 02 cây hồng (10 năm)…. làm nhà tạm gỗ, xây dựng chuồng trại nuôi heo…

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác minh thì từ trước đến nay, địa phương không nhận đơn khiếu kiện tranh chấp đất đai nào liên quan đến diện tích đất hiện do vợ chồng bị đơn canh tác sử dụng. Phần đất tại các thửa 1/52, 59, 1/58, 1/91 thuộc qui hoạch đất nông nghiệp, chưa có ai đăng ký kê khai cấp quyền sử dụng đất.

Như vậy bị đơn là người có thời gian sử dụng diện tích đất tranh chấp lâu dài, ổn định và đã trồng cây lâu năm trên đất, đầu tư công sức, tiền bạc vào khu đất. Nguyên đơn cho rằng đất do mình khai hoang nhưng đã từ bỏ quyền sử dụng đất từ năm 1998, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất, không có bất kỳ loại giấy tờ chứng minh nguồn gốc đất, nay trở về kiện đòi lại đất. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng Án lệ số 33/2020/AL ngày 05/02/2020 của

Hội đồng thẩm phán TANDTC tuyên không chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại diện tích đất 1.983m^2 thuộc một phần các thửa 91, 58, 59, 53 tờ bản đồ số 14 thị trấn D là có căn cứ, đúng quy định.

Tại giai đoạn phúc thẩm, ông Hoàng C5 cấp các bản xác nhận do nguyên đơn ông H viết và yêu cầu xác nhận với nội dung nguyên đơn khai hoang đất từ năm năm 1993-1995 đến năm 1998 thì cúng dường cho chùa P4. Tuy nhiên, các giấy xác nhận này không làm thay đổi về bản chất vụ án là bị đơn đã sử dụng đất ổn định, lâu dài và đã đăng ký kê khai nên không có cơ sở để chấp nhận.

Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Võ Thành H, bà Đinh Thị P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 6.271.000đ (nguyên đơn đã ứng chi và quyết toán xong). Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận, căn cứ vào Điều 157, Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự nguyên đơn phải chịu số tiền trên.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông H, bà P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông H, bà P là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Võ Thành H, bà Đinh Thị P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Võ Thành H, bà Đinh Thị P về việc yêu cầu bị đơn vợ chồng ông Trần Văn P1, bà Từ Thị S trả lại diện tích đất 1.983m^2 thuộc một phần các thửa 91, 58, 59, 53 tờ bản đồ số 14 thị trấn D.

2. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn phải chịu chi phí tố tụng là 6.271.000đ. Nguyên đơn đã nộp đủ chi phí tố tụng.

3. Về án phí:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho ông H, bà P. Hoàn trả cho nguyên đơn ông H, bà P số tiền 1.250.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai

thu tiền số 0002482 ngày 22/4/2024 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Đơn Dương (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – Lâm Đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng GĐ, KT, TT&THA (01);
- THADS tỉnh Lâm Đồng (01);
- TAND khu vực 2 – Lâm Đồng (01);
- Phòng THADS khu vực 2 – Lâm Đồng (01);
- Đương sự (03);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Nguyệt